

CH NG TRÌNH ÀO T O THEO H C CH TÍN CH

Trình ào t o: **CAO NG**
Ngành ào t o: **S PH M M THU T**
Lo i hình ào t o: **CHÍNH QUY**

*(Ban hành kèm theo Quy t nh s 121/Q -C SP ngày 15 tháng 9 n m 2008
c a Hi u tr ng tr ng C SP TT Hu)*

1. M c tiêu ào t o:

1.1. M c tiêu chung

Ch ng trình ào t o ngành S ph m M thu t, trình cao ng nh m ào t o giáo viên trung h c c s (THCS) áp ng c nh ng yêu c u i m i c a Giáo d c ph thông (GDPT) trong th i k công nghi p hoá, hi n i hoá t n c. Các giáo viên THCS c ào t o ph i có t t ng, ph m ch t o c t t, có s c kho , có n ng l c giáo d c, d y h c theo yêu c u c a chu n GVTHCS, có kh n ng d y t t ch ng trình THCS m i, c ng nh có kh n ng áp ng c nh ng thay i c a GDPT trong t ng lai; có k n ng nghi n c u, t b i d ng khoa h c giáo d c.

1.2. M c tiêu c th

Sinh viên t t nghi p ngành S ph m M thu t trình cao ng ph i:

- Có nh ng ph m ch t c b n c a ng i giáo viên nhà tr ng XHCN Vi t Nam: th m nhu n th gi i quan Mác - Lênin và t t ng H Chí Minh, yêu n c, yêu CNXH, yêu h c sinh, yêu ngh , có ý th c xã h i, o c, tác phong ng i th y giáo.

- Có n ng l c chuyên môn và nghi p v m b o nh ng yêu c u i m i m c tiêu, n i dung, ph ng pháp, hình th c t ch c d y và h c, ki m tra ánh giá k t qu giáo d c/d y h c môn M thu t tr ng THCS, áp ng yêu c u phát tri n giáo d c THCS v quy mô, ch t l ng, hi u qu , ph c v s nghi p công nghi p hoá, hi n i hoá t n c; có t i m l c không ng ng hoàn thi n trình ào t o ban u, v n lên áp ng nh ng yêu c u m i.

- Sinh viên t t nghi p cao ng s ph m ngành S ph m M thu t còn ph i làm công tác ch nhi m l p, t ch c các ho t ng giáo d c ngo ài gi lên l p t i tr ng THCS.

2. Th i gian ào t o: 3 n m, chia làm 6 h c k

3. Kh i l ã ng ki n th c toàn khóa: 113 tín ch , ch a k các ph n n i dung v Giáo d c th ch t và Giáo d c qu c phòng – An ninh.

4. i t ã ng tuy n sinh: h c sinh ã t t nghi p trung h c ph thông

5. Quy trình ào t o, i u ki n t t nghi p: Th c hi n theo quy ch ào t o i h c và cao ã ng h chính quy theo h th ã ng tín ch , ban hành theo quy t ã nh s 43/2007/Q -BGD T ngày 15/8/2007 c a B tr ã ng B Giáo d c và ào t o

6. Thang i m:

7. N i dung ch ã ng trình (tên và kh i l ã ng các h c ph n)

7.1. Khung ch ã ng trình ào t o

7.1.1	Ki n th c giáo d c i c ã ng t i thi u (Ch a k ph n n i dung v GD Th ch t và GD Qu c phòng – An ninh)	33
7.1.2	Ki n th c giáo d c chuyên nghi p t i thi u Trong ó t i thi u:	80
	Ki n th c nghi p v chung cho kh i ã ngành C SP	17
	Ki n th c ã ngành s ph m M thu t	42
	Ki n th c b tr (t ch n)	04
	Th c t p s ph m và thi t t nghi p	17

TT	Mã HP	Kh i KT/tên HP	S TC	Lo i gi tín ch				HP tiên quy t
				Lên l p		TH/TN	T NC	
				LT	TL/ bài t p			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A		Kh i ki n th c giáo d c i c ã ng						
I		Lý lu ã n chính tr	10					
1	1 01 001	Nh ã ng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 1	2	2				
2	1 01 002	Nh ã ng nguyên lý c b n c a CN Mác – Lênin 2	3	3				1 01 001
3	1 01 003	T t ã ng H Chí Minh	2	2				
4	1 01 007	ã ng l i cách m ã ng c a ã ng CS VN	3	3				
II		Ngo i ã ng , Tin h c không chuyên	9					
1	1 60 001	Ti ã ng Anh 1	3	3				
2	1 60 002	Ti ã ng Anh 2	2	2				1 60 001

3	1 60 003	Ti ng Anh 3	2	2				1 60 002
4	1 62 001	Tin h c ic ng	2	2				
III	1 72 001	Giáo d c th ch t	3			3		
IV	1 75 001	Giáo d c qu c phòng – An ninh	6	6				
V		Khoa h c t nhiên	2					
1	1 23 001	Gi i ph u t o hình	2	2				
VI		Khoa h c xã h i và nhân v n	8					
1	1 02 002	Qu n lý HCNN và QL ngành	2	2				
2	1 71 001	Ngh thu th c ic ng	2	2				
3	1 47 001	Ti ng Vi t th c hành	2	2				
4	1 01 005	M h c ic ng	2	2				
VII		T ch n (SV ch n 2/3 HP - 4 TC)	4					
1	1 40 101	C s v n hoá Vi t Nam	2	2				
2	1 03 114	Khoa h c giao ti p	2	2				
3	1 71 002	M thu th c	2	2				
B		Kh i ki n th c giáo d c chuyên nghi p						
I		Ki n th c c s kh i ngành và ngành	17					
1	1 03 001	Tâm lý h c ic ng	2	2				
2	1 03 106	TLH l a tu i và TLH s ph m	3	3				1 03 001
3	1 03 107	Giáo d c h c ic ng	2	2				
4	1 03 108	Ho t ng d y h c tr ng THCS	2	2				1 03 107
5	1 03 109	Ho t ng giáo d c tr ng THCS	2	2				
6	1 73 101	Công tác i TNTP H Chí Minh	2	2				
7	1 71 101	Lu t xa g n	2	2				
8	1 71 102	V kh i c b n và v t	2			2		
II		Ki n th c ngành	42					
1	1 71 401	V t ng chân dung	2			2		
2	1 71 402	Trang trí c b n	2			2		
3	1 71 403	Trang trí ng d ng 1	3			3		1 71 402
4	1 71 404	Trang trí ng d ng 2	3			3		1 71 403
5	1 71 405	Ký h a (en - tr ng)	3			3		
6	1 71 406	Ký h a (màu) - H c t p trung 2 tu n	2			2		
7	1 71 407	L ch s m thu t Vi t Nam	2	2				
8	1 71 408	L ch s m thu t th gi i	2	2				
9	1 71 409	B c c 1	3			3		
10	1 71 410	B c c 2	2			2		1 71 409
11	1 71 411	V t ng ng i (en tr ng)	3			3		
12	1 71 412	V ng i (en - tr ng)	3			3		
13	1 71 413	V ng i (màu)	2			2		
14	1 71 414	Lý lu n chung v ph ng pháp m thu t	2	2				1 03 107
15	1 71 415	Th c hành s ph m 1	3	3				
16	1 71 416	Th c hành s ph m 2	2	2				1 71 415
III		T ch n (SV c ch n 2/3 HP = 4 tc)	4					
1	1 71 417	iêu kh c	2			2		
2	1 71 418	T nh v t màu	2			2		

3	1 71 419	Nghiên cứu văn hóa dân tộc và nghệ thuật	2			2		
IV		Thức tập, thi tốt nghiệp, khóa luận	17					
1		Nghiên cứu thực tiễn	1					
2	1 71 951	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	3			3		
3	1 71 952	Thực tập năm 2	3			3		
4	1 71 953	Thực tập năm 3	6			6		1 71 952
5	1 71 954	Khóa luận	5				5	
5	1 71 955	<i>Trang trí nghệ thuật 3</i>	3			3		HP thay khóa luận
18	1 71 956	<i>Thực hành sư phạm 3</i>	2			2		HP thay khóa luận
		Tổng số vtc toàn khóa	113					

**HIỆU TRƯỞNG
CHUYÊN CHỨC KH&T**